

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA QUÂN SỰ VIỆT NAM TRONG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

Nguyễn Văn Hiệp¹, Hà Đức Trọng²
Email: nvhiiep3@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0003-4666-4419

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/03/2026.

Ngày phản biện đánh giá: 07/04/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 22/04/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1226

Tóm tắt: Văn hóa quân sự Việt Nam (VHQSVN) là bộ phận quan trọng của nền văn hóa dân tộc, chứa đựng các giá trị như tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự chủ và nghệ thuật quân sự sáng tạo. Những giá trị này có ý nghĩa thiết thực trong giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho sinh viên (SV). Bài viết phân tích vai trò của VHQSVN, đồng thời đánh giá thực trạng tích hợp trong giảng dạy GDQP&AN tại các cơ sở giáo dục đại học. Nghiên cứu sử dụng khảo sát 272 SV, kết hợp thống kê mô tả và kiểm định Chi-square (χ^2). Kết quả cho thấy việc tích hợp VHQSVN góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của SV, song vẫn tồn tại sự khác biệt giữa các nhóm. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả GDQP&AN.

Từ khóa: giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục truyền thống, sinh viên, văn hóa quân sự

I. Đặt vấn đề

Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành một hệ giá trị VHQS đặc sắc, sáng tạo, phản ánh trí tuệ, bản lĩnh và ý chí độc lập tự chủ, tự cường của con người Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, các yếu tố tác động đến tư tưởng và nhận thức của SV ngày càng đa dạng, trong khi các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, đặc biệt hướng vào thế hệ trẻ. GDQP&AN giữ vai trò quan trọng trong việc trang bị kiến thức quốc phòng, an ninh và giáo dục lòng yêu nước cho SV. Tuy nhiên, trong thực

tiễn giảng dạy, việc khai thác và phát huy các giá trị VHQSVN ở một số cơ sở giáo dục đại học còn chưa thật sự sâu sắc. Do đó, nghiên cứu phát huy giá trị VHQSVN trong môn học GDQP&AN cho SV hiện nay có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả GDQP&AN.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm VHQSVN

Văn hóa Quân đội nhân dân Việt Nam (văn hóa quân sự) là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc, là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần được hình thành và phát triển gắn liền với quá trình xây dựng,

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

² Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Phú Thọ, Việt Nam

trường thành, phát triển của quân đội, đó là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết toàn quân, toàn dân, mang bản sắc, âm hưởng hào hùng của lực lượng vũ trang, chiến tranh cách mạng, về đội quân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, viết nên trang sử anh hùng, bất khuất - Bộ đội Cụ Hồ (Trịnh, 2021).

2.2. Đặc trưng của VHQSVN

Thứ nhất, tính chính nghĩa và tinh thần yêu nước sâu sắc. Các cuộc chiến tranh của Việt Nam trong lịch sử chủ yếu là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhằm giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Vì vậy, VHQSVN luôn gắn với mục tiêu chính nghĩa, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết và khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân.

Thứ hai, tính nhân dân sâu sắc, thể hiện ở sự gắn bó chặt chẽ giữa quân đội với nhân dân, tiêu biểu trong tư tưởng “toàn dân đánh giặc”. Từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm của dân tộc đã hình thành nên nghệ thuật quân sự Việt Nam, đó là nghệ thuật “chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020, tr. 74). Sức mạnh quân sự của đất nước được tạo nên từ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.

Thứ ba, nghệ thuật quân sự Việt Nam được hình thành và phát triển qua thực tiễn chiến tranh nhân dân, thể hiện tính sáng tạo, linh hoạt. Trước những kẻ thù mạnh hơn, dân tộc Việt Nam đã phát triển nhiều phương thức tác chiến độc đáo như chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích, đồng thời kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, kinh tế và ngoại giao.

Thứ tư, tính nhân văn và nhân đạo sâu sắc thể hiện sinh động ở “tinh thần quốc tế vô sản trong sáng của quân đội cách mạng” (Nguyễn, T. H., 2024). Mặc dù phải tiến hành chiến tranh để bảo vệ

Tổ quốc, xong dân tộc Việt Nam luôn đề cao tinh thần nhân đạo và hướng tới hòa bình. Quan điểm “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” (Nguyễn, P. T., 2024, tr. 7) thể hiện rõ truyền thống nhân văn trong VHQSVN.

2.3. Vai trò của VHQSVN trong GDQP&AN

Trước hết, hình thành hệ giá chính trị - xã hội và niềm tự hào, tự tôn dân tộc, thông qua việc tìm hiểu các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và truyền thống anh hùng của dân tộc, SV nhận thức sâu sắc hơn về giá trị của độc lập, tự do và chủ quyền quốc gia, từ đó khơi dậy lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm đối với đất nước.

Hai là, nâng cao nhận thức về trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc qua việc giáo dục các giá trị VHQSVN giúp SV hiểu rõ vai trò của quốc phòng và an ninh, đồng thời nhận thức rằng bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của toàn dân, trong đó có thế hệ trẻ. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh: “...xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, gắn với thế trận lòng dân...” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 114). Điều đó cho thấy việc giáo dục quốc phòng, an ninh và phát huy giá trị VHQSVN cho SV có ý nghĩa thiết thực trong việc xây dựng ý thức trách nhiệm công dân và củng cố “thế trận lòng dân” trong tình hình mới.

Ba là, góp phần hình thành bản lĩnh chính trị và ý thức, trách nhiệm của công dân như tinh thần kiên cường, ý chí vượt khó, tinh thần đoàn kết và kỷ luật góp phần rèn luyện bản lĩnh, ý thức trách nhiệm của SV đối với cộng đồng và xã hội.

Bốn là, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước. Thông qua giáo dục truyền thống

và lịch sử cách mạng, SV hiểu rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng tổng hợp các phương pháp: phân tích - tổng hợp tài liệu, lịch sử - logic và khảo sát xã hội học nhằm làm rõ vai trò của VHQSVN trong GDQP&AN cho SV. Khảo sát được

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng phát huy giá trị VHQSVN trong GDQP&AN

Bảng 1. Mức độ nhận thức của SV về vai trò của VHQSVN trong GDQP&AN (n =272)

Nội dung khảo sát	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý
VHQSVN giúp SV hiểu rõ hơn về truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc	179 (65,8%)	82 (30,1%)	10 (3,7%)	1 (0,37%)
Nội dung VHQSVN trong môn học GDQP&AN giúp bồi dưỡng lòng yêu nước	176 (64,7%)	84 (30,9%)	12 (4,4%)	-
Việc học về các tấm gương anh hùng dân tộc tạo động lực phấn đấu cho SV	180 (66,2%)	76 (27,9%)	16 (5,9%)	-
Các hoạt động trải nghiệm (điều lệnh, kỷ luật quân đội, sinh hoạt tập thể) giúp hình thành ý thức trách nhiệm công dân	179 (65,8%)	77 (28,3%)	13 (4,8%)	3 (1,1%)
Cần tăng cường lồng ghép nội dung VHQSVN trong giảng dạy GDQP&AN	168 (61,8%)	76 (27,9%)	28 (10,3%)	-

(Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2026)

Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV có nhận thức tích cực về vai trò của VHQSVN trong GDQP&AN, với trên 94% SV đồng ý và rất đồng ý ở các nội dung khảo sát. Cụ thể, việc tìm hiểu VHQSVN giúp SV hiểu rõ hơn về truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (95,9%), đồng thời góp phần bồi dưỡng lòng yêu nước (95,6%). Bên cạnh đó, học tập các tấm gương anh hùng dân tộc và tham gia hoạt động trải nghiệm quân đội đều được đánh giá cao trong việc tạo động lực phấn đấu và hình thành ý thức trách nhiệm công dân (94,1%). Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ SV đánh

tiến hành đối với 272 SV đã học môn GDQP&AN tại các cơ sở đào tạo khác nhau, gồm: 83 SV Trường Đại học Mở Hà Nội, 106 SV Trường Đại học Ngoại thương và 83 SV Trường Đại học Y tế Công cộng. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả và kiểm định Chi-square (χ^2) để đánh giá sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng (theo cơ sở đào tạo, năm học, giới tính), với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS, bảo đảm độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

giá ở mức trung bình, cho thấy cần tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2021, tr.143).

Trong bối cảnh đó, việc phát huy giá trị VHQSVN trong GDQP&AN là một phương thức quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu này.

4.2. Tác động của VHQSVN đối với nhận thức của SV

Bảng 2. Mức độ SV được tiếp cận nội dung VHQS trong môn học GDQP&AN (n=272)

Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Chưa bao giờ
Giảng viên lồng ghép nội dung về truyền thống quân sự Việt Nam trong bài giảng	210 (77,2%)	58 (21,3%)	4 (1,5%)	-
Tìm hiểu về các chiến thắng quân sự tiêu biểu của dân tộc	207 (76,1%)	60 (22,1%)	5 (1,8%)	-
Học tập về các tấm gương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	201 (73,9%)	63 (23,2%)	8 (2,9%)	-
Hoạt động trải nghiệm môi trường quân sự (điều lệnh, nội vụ, kỷ luật quân đội)	215 (79,0%)	48 (17,6%)	8 (2,9%)	1 (0,4%)
Tham gia các hoạt động ngoại khóa tìm hiểu lịch sử quân sự	170 (62,5%)	74 (27,2%)	25 (9,2%)	3 (1,1%)

(Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2026)

Dữ liệu khảo sát cho thấy SV được tiếp cận nội dung VHQSVN trong GDQP&AN với tần suất tương đối thường xuyên, chủ yếu thông qua giảng dạy trên lớp. Cụ thể, 77,2% SV cho biết giảng viên thường xuyên lồng ghép nội dung truyền thống quân sự Việt Nam; các nội dung về chiến thắng quân sự tiêu biểu và tấm gương anh hùng cũng được triển khai khá thường xuyên (76,1% và 73,9%). Bên cạnh đó, hoạt động trải nghiệm môi

trường quân đội được đánh giá cao với tỷ lệ 79% SV tham gia thường xuyên. Tuy nhiên, các hoạt động ngoại khóa tìm hiểu lịch sử quân sự còn hạn chế khi chỉ 62,5% SV tham gia thường xuyên, trong khi vẫn còn một tỷ lệ nhất định ở mức ít khi hoặc chưa bao giờ. Điều này cho thấy việc giáo dục VHQSVN hiện vẫn thiên về giảng dạy lý thuyết, cần tăng cường hơn nữa các hoạt động trải nghiệm và ngoại khóa nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục.

4.3. Hiệu quả của các hình thức giáo dục VHQSVN trong GDQP&AN cho SV

Bảng 3. Đánh giá của SV về hiệu quả các hình thức giáo dục VHQS trong GDQP&AN (n=272)

Hình thức giáo dục	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Ít hiệu quả	Không hiệu quả
Giảng dạy lý thuyết trên lớp	118 (43,4%)	99 (36,4%)	45 (16,5%)	8 (2,9%)	2 (0,7%)
Xem phim tư liệu, hình ảnh lịch sử quân sự	155 (57,0%)	95 (34,9%)	20 (7,4%)	2 (0,7%)	-
Hoạt động trải nghiệm môi trường quân đội	167 (61,4%)	91 (33,5%)	13 (4,8%)	1 (0,4%)	-
Hoạt động ngoại khóa, tham quan di tích lịch sử quân sự	158 (58,1%)	94 (34,6%)	18 (6,6%)	1 (0,4%)	1 (0,4%)

(Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2026)

Phân tích số liệu cho thấy các hình thức giáo dục VHQS VN mang tính trực quan và trải nghiệm được SV đánh giá cao hơn so với giảng dạy lý thuyết. Cụ thể, hoạt động trải nghiệm môi trường quân đội có hiệu quả nổi bật, với khoảng 95% SV đánh giá từ hiệu quả trở lên. Tương tự, việc xem phim tư liệu, hình ảnh lịch sử quân sự cũng được đánh giá tích cực (trên 90%). Các hoạt động ngoại khóa, tham quan di tích lịch sử quân sự đạt mức đánh giá cao khi hơn 92% SV cho rằng có hiệu quả. Trong khi đó, giảng dạy lý thuyết trên

lớp vẫn giữ vai trò quan trọng nhưng mức độ hấp dẫn thấp hơn, với khoảng 79,8% SV đánh giá hiệu trở lên. Kết quả này cho thấy cần tăng cường kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và các hình thức trải nghiệm, trực quan nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục VHQS VN trong GDQP&AN.

4.4. So sánh nhận thức theo nhóm SV

Để đánh giá sự khác biệt về nhận thức của SV đối với VHQS VN, nghiên cứu tiến hành so sánh theo các nhóm: trường học, năm học và giới tính. Cụ thể như sau:

Bảng 4. So sánh mức độ nhận thức về VHQS VN theo nhóm đối tượng (n = 272)

Nhóm SV	Rất đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Bình thường (%)	Nhận xét
Trường ĐH Mở Hà Nội (n = 83)	67,5	28,9	3,6	Nhận thức cao
Trường ĐH Ngoại thương (n = 106)	69,8	26,4	3,8	Nhận thức rất cao
Trường ĐH Y tế Công cộng (n = 83)	60,2	33,7	6,1	Nhận thức chưa đồng đều
SV năm 1-2 (n = 162)	71,3	25,1	3,6	Nhận thức tích cực
SV năm 3-4 (n = 110)	58,6	34,2	7,2	Xu hướng giảm nhận thức
Nam (n = 165)	66,9	29,4	3,7	Nhận thức ổn định
Nữ (n = 107)	63,5	31,2	5,3	Nhận thức phân tán hơn

(Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát của tác giả, năm 2026)

Kết quả cho thấy, về nhóm trường, tỷ lệ SV rất đồng ý tại Trường Đại học Ngoại thương (69,8%) và Trường Đại học Mở Hà Nội (67,5%) cao hơn so với Trường Đại học Y tế công cộng (60,2%). Tuy nhiên, kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($\chi^2 \approx 6,12$; $p > 0,05$). Điều này cho thấy nhận thức về VHQS VN có tính tương đồng giữa các cơ sở đào tạo, phản ánh tính thống nhất của chương trình GDQP&AN.

Đối với giới tính, SV nam có tỷ lệ rất đồng ý cao hơn (66,9%) so với nữ (63,5%), trong khi nữ có xu hướng lựa chọn mức đồng ý và bình thường cao hơn. Tuy nhiên, kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($\chi^2 \approx 2,87$; $p > 0,05$). Như vậy, yếu tố

giới tính không ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức của SV về nội dung này.

Ngược lại, sự khác biệt theo năm học là đáng chú ý. SV năm 1 - 2 có tỷ lệ rất đồng ý cao hơn rõ rệt (71,3%) so với SV năm 3 - 4 (58,6%), đồng thời tỷ lệ “bình thường” ở nhóm năm cuối cũng cao hơn (7,2% so với 3,6%). Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($\chi^2 \approx 9,21$; $p < 0,05$), gợi mở xu hướng suy giảm mức độ quan tâm và ghi nhớ nội dung theo thời gian, từ đó đặt ra yêu cầu cần có cơ chế củng cố, duy trì nhận thức cho SV trong suốt quá trình đào tạo.

4.5. Một số vấn đề đặt ra

Thứ nhất, nội dung giáo dục VHQS VN trong môn học GDQP&AN chưa được khai thác đầy đủ dưới góc độ

hệ giá trị văn hóa, còn thiên về trình bày các sự kiện lịch sử tiêu biểu, chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu giáo dục ý thức trách nhiệm công dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ hai, phương pháp giảng dạy vẫn chủ yếu theo hướng truyền thụ lý thuyết, trong khi các hình thức học tập tích cực như trải nghiệm, thảo luận, nghiên cứu tình huống chưa được triển khai thường xuyên, làm giảm tính chủ động của SV.

Thứ ba, các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm thực tiễn còn hạn chế; sự phối hợp giữa nhà trường với các đơn vị quân đội, bảo tàng, di tích lịch sử chưa chặt chẽ, dẫn đến cơ hội tiếp cận thực tiễn của SV chưa nhiều.

Thứ tư, năng lực chuyên môn và phương pháp sư phạm của một bộ phận giảng viên cần tiếp tục được bồi dưỡng, đặc biệt trong tích hợp nội dung văn hóa quân sự và ứng dụng phương pháp dạy học hiện đại.

Thứ năm, việc ứng dụng công nghệ số và học liệu số trong giáo dục VHQSVN còn chưa được khai thác hiệu quả, trong khi đây là phương thức quan trọng để nâng cao tính trực quan và khả năng tiếp cận kiến thức của SV trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

4.6. Một số giải pháp phát huy giá trị VHQSVN trong GDQP&AN cho SV trong thời gian tới

Một là, cập nhật, bổ sung thường xuyên, kịp thời những kiến thức mới theo hướng tích hợp sâu các giá trị VHQSVN trong giảng dạy môn học GDQP&AN.

Việc tích hợp VHQSVN trong chương trình GDQP&AN cần được triển khai theo hướng hệ thống, khoa học và phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện nay. Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục đại học tiếp tục rà soát, chuẩn hóa

chương trình theo hướng tiếp cận hệ giá trị, khắc phục tình trạng rời rạc, trùng lặp; đồng thời bổ sung các chuyên đề về tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự chủ, nghệ thuật quân sự và tính nhân văn trong chiến tranh. Việc xây dựng học liệu chuyên sâu, cập nhật sẽ giúp nâng cao tính hệ thống, giúp SV nhận thức VHQSVN như một chỉnh thể thống nhất, qua đó nâng cao hiệu quả GDQP&AN trong bối cảnh mới.

Hai là, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo và trải nghiệm của SV.

Đổi mới phương pháp giảng dạy là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả tích hợp VHQSVN trong GDQP&AN. Đội ngũ giảng viên môn học GDQP&AN tại các cơ sở giáo dục đại học nên chuyển từ truyền thụ một chiều sang tổ chức các hoạt động học tập tích cực như thảo luận nhóm, phân tích tình huống, học theo dự án và mô phỏng môi trường quân sự. Việc gắn nội dung VHQSVN với các tình huống thực tiễn sẽ giúp SV vận dụng kiến thức, nâng cao hứng thú học tập và hình thành nhận thức, thái độ phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, tăng cường liên kết với các đơn vị quân đội, bảo tàng lịch sử để tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm và ngoại khóa về tìm hiểu về VHQSVN.

Các cơ sở giáo dục đại học cần phối hợp với các đơn vị quân đội, bảo tàng và di tích lịch sử để tổ chức cho SV tham quan, học tập thực tế hoặc giao lưu với nhân chứng lịch sử. Những hoạt động này cần được thiết kế có mục tiêu rõ ràng, gắn với nội dung học tập và có hướng dẫn cụ thể để SV rút ra bài học nhận thức. Thông qua đó, SV có điều kiện tiếp cận trực tiếp với các giá trị văn hóa quân sự, giúp SV chuyển hóa nhận thức thành trải nghiệm thực tiễn, qua đó nâng cao hiệu quả giáo dục một cách bền vững.

Bốn là, nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp sư phạm của đội ngũ giảng viên giảng dạy môn học GDQP&AN.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học và cơ quan quản lý giáo dục cần tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho giảng viên theo hướng cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực tích hợp nội dung văn hóa quân sự vào bài giảng. Đồng thời, khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, xây dựng học liệu và đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ sẽ tạo nền tảng quan trọng để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác GDQP&AN.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giáo dục VHQS VN.

Trong bối cảnh chuyên đổi số, việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy GDQP&AN là xu hướng tất yếu. Các cơ sở giáo dục đại học cần tập trung xây dựng hệ thống học liệu số, bài giảng điện tử, video mô phỏng, cũng như khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến (LMS). Đồng thời, sử dụng công nghệ thực tế ảo, mô phỏng để tái hiện các tình huống lịch sử và môi trường quân sự, giúp SV tiếp cận kiến thức một cách trực quan và sinh động hơn, nâng cao khả năng tự học, tăng tính tương tác và mở rộng không gian học tập cho SV, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục VHQS trong điều kiện mới.

V. Kết luận

VHQS VN là di sản tinh thần quý báu của dân tộc, phản ánh truyền thống yêu nước, ý chí độc lập tự chủ và nghệ thuật quân sự độc đáo của nhân dân Việt Nam trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Việc tích hợp và phát huy các giá

trị này trong GDQP&AN có ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao nhận thức, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị và ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc cho SV. Kết quả khảo sát cho thấy SV có nhận thức tích cực về vai trò của VHQS VN; tuy nhiên, vẫn tồn tại sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng, được khẳng định qua kiểm định Chi-square (χ^2). Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và tăng cường hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học* (Tập 1). Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn, P. T. (2024). *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn, T. H. (2024). Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa quân sự Việt Nam. *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*. <https://lyluanchinhtri.vn/giu-gin-va-phat-huy-gia-tri-van-hoa-quan-su-viet-nam-6279.html>.
- Trịnh, V. Q. (2021). Văn hóa quân sự là một bộ phận của nền văn hóa dân tộc. *Báo Quân đội nhân dân*. <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/van-hoa-quan-su-la-mot-bo-phan-cua-nen-van-hoa-dan-toc-678520>.

PROMOTING THE VALUES OF VIETNAMESE MILITARY CULTURE IN NATIONAL DEFENSE AND SECURITY EDUCATION FOR CONTEMPORARY STUDENTS

Nguyen Van Hiep¹, Ha Duc Trong²

Abstract: *Vietnamese military culture (VMC) is an integral component of national culture, encompassing core values such as patriotism, the spirit of independence and self-reliance, and creative military art. These values play a significant role in national defense and security education (NDSE) for students. This paper analyzes the role of VMC and examines its integration into NDSE teaching at higher education institutions. The study is based on a survey of 272 students, combined with descriptive statistics and Chi-square (χ^2) tests. The results indicate that integrating VMC enhances students' awareness and sense of responsibility, although statistically significant differences exist among groups. Based on these findings, the paper proposes solutions to improve the effectiveness of NDSE.*

Keywords: *national defense and security education, traditional education, students, military culture*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam

² Hanoi Pedagogical University 2, Phu Tho, Vietnam